



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Như So	Chủ tịch
Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch
Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch
Nguyễn Khắc Thảo	Thành viên
Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Tạ Hữu Khôi	Thành viên
Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Như So	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Khắc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc Tài chính

Thông tin về Công ty

Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh cuối cùng vào ngày 20 tháng 2 năm 2013.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 35, Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 254.939 triệu VND (năm 2011: 209.810 triệu VND).

Ngày 14 tháng 4 năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức năm 2011 cho các cổ đông với số tiền 87.222 triệu VND và tạm chia cổ tức đợt một năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu.

Các sự kiện lớn trong năm

- Ngày 24 tháng 2 năm 2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu chuyển đổi của Công ty với mệnh giá 100.000 VND/1 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("cổ phiếu DBC"). Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 436.111 triệu VND lên 484.099 triệu VND. Số cổ phiếu này được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 10 tháng 4 năm 2012.
- Ngày 16 tháng 3 năm 2012, Công ty đã bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất của dự án Khu đô thị Đền Đô cho Công ty Thương mại Đầu tư Xây dựng Thành Lợi ("Công ty Thành Lợi") theo Hợp đồng chuyển nhượng số 18-01/2012/HĐCN ký ngày 18 tháng 1 năm 2012. Tổng doanh thu ghi nhận từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là 989.298 triệu VND. Ngày 25 tháng 12 năm 2012, Công ty đã nhận lại một phần quyền sử dụng đất này với số tiền 484.753 triệu VND từ Công ty Thành Lợi theo Phụ lục Hợp đồng số 02/PL-HĐCN. Phần quyền sử dụng đất mà Công ty nhận lại được ghi nhận trong các khoản giảm trừ doanh thu.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngoại trừ sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 16 cho báo tài chính riêng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những khác biệt trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Nguyễn Như Sơn
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến trang 38. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 2 năm 2012.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính riêng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-055-c




Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.0877/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013


Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0296/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		2.505.066.094.105	2.222.375.743.404
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	539.147.809.807	483.154.348.983
Tiền	111		129.147.809.807	59.800.249.683
Các khoản tương đương tiền	112		410.000.000.000	423.354.099.300
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	734.150.194.532	421.479.151.001
Phải thu khách hàng	131		647.475.202.728	285.546.218.357
Trả trước cho người bán	132		97.880.472.348	111.398.697.615
Các khoản phải thu khác	135		3.794.519.456	24.534.235.029
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(15.000.000.000)	-
Hàng tồn kho	140	6	1.205.335.534.831	1.276.415.303.785
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.432.554.935	41.326.939.635
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.893.250.135	9.208.355.259
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		-	3.024.189
Tài sản ngắn hạn khác	158		22.539.304.800	32.115.560.187
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		803.633.584.665	779.569.454.758
Tài sản cố định	220		423.269.363.841	629.231.768.416
Tài sản cố định hữu hình	221	7	345.188.023.955	574.976.411.591
Nguyên giá	222		535.840.542.140	777.247.158.651
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.652.518.185)	(202.270.747.060)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	78.081.339.886	54.255.356.825
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	380.364.220.824	149.629.991.342
Đầu tư vào công ty con	251		416.410.211.673	147.101.367.725
Đầu tư dài hạn khác	258		2.528.623.617	2.528.623.617
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(38.574.614.466)	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	707.695.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	707.695.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.308.699.678.770	3.001.945.198.162

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.938.229.513.160	1.781.649.207.809
Nợ ngắn hạn	310		1.792.273.886.090	1.271.914.224.099
Vay ngắn hạn	311	10	1.264.200.910.041	909.726.063.602
Phải trả người bán	312	11	284.920.461.184	197.010.263.424
Người mua trả tiền trước	313		39.788.820.591	19.512.021.485
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	314	12	47.557.207.176	32.109.648.618
Phải trả người lao động	315		17.192.967.906	28.432.762.056
Chi phí phải trả	316	13	89.657.357.435	64.729.349.077
Các khoản phải trả khác	319	14	18.229.524.136	2.885.167.737
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	15	30.726.637.621	17.508.948.100
Vay và nợ dài hạn	330		145.955.627.070	509.734.983.710
Phải trả dài hạn khác	333		2.187.500.000	1.092.000.000
Vay dài hạn	334	16	143.768.127.070	508.642.983.710
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.370.470.165.610	1.220.295.990.353
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.370.470.165.610	1.220.295.990.353
Vốn cổ phần	411	18	484.099.600.000	436.111.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	374.397.861.700	355.229.261.700
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	6.986.489.982
Quỹ đầu tư và phát triển	417	20	277.403.991.438	182.315.594.942
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	49.011.331.400	29.843.672.107
Lợi nhuận chưa phân phối	420		185.557.381.072	209.809.971.622
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.308.699.678.770	3.001.945.198.162

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	21	4.716.471.559.084	3.336.295.476.313
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	736.467.593.866	121.464.582.787
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		3.980.003.965.218	3.214.830.893.526
Giá vốn hàng bán	11	22	3.500.493.269.086	2.883.704.081.113
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		479.510.696.132	331.126.812.413
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	66.004.707.064	67.407.584.531
Chi phí tài chính	22	24	132.505.097.634	83.115.972.723
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		90.541.403.275	65.428.437.085
Chi phí bán hàng	24		46.774.572.064	44.003.054.182
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		59.389.654.463	47.427.435.933
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		306.846.079.035	223.987.934.106
Thu nhập khác	31		1.139.269.577	3.944.934.299
Chi phí khác	32		655.246.785	2.085.366.709
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		484.022.792	1.859.567.590
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		307.330.101.827	225.847.501.696
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	52.390.612.794	16.037.530.074
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		254.939.489.033	209.809.971.622

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Như Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		307.330.101.827	225.847.501.696
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		34.632.596.153	24.070.748.160
Các khoản dự phòng	03		53.574.614.466	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.924.028.499)	-
Lãi hoạt động đầu tư	05		(45.838.811.259)	(54.726.755.656)
Chi phí lãi vay	06		90.541.403.275	65.428.437.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		435.315.875.963	260.619.931.285
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(284.916.875.083)	3.599.473.958
Biến động hàng tồn kho	10		100.926.483.286	(632.407.610.781)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		180.772.065.435	10.806.895.504
Biến động chi phí trả trước	12		707.695.000	521.717.259
			432.805.244.601	(356.859.592.775)
Tiền lãi vay đã trả	13		(129.105.016.448)	(42.170.415.965)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.746.850.729)	(20.880.940.976)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.979.969.773)	(45.516.022)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		266.973.407.651	(419.956.465.738)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(159.243.715.685)	(225.062.160.089)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		313.761.364	202.727.273
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	43.200.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		37.094.412.010	56.269.842.708
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(121.835.542.311)	(125.389.590.108)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	308.682.480.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.752.223.004.426	3.347.280.671.910
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.695.760.917.080)	(2.791.946.282.919)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36		(145.768.364.500)	(38.169.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(89.306.277.154)	825.846.878.991
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		55.831.588.186	280.500.823.145
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		483.154.348.983	202.492.449.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		161.872.638	161.076.108
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	539.147.809.807	483.154.348.983

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh thuốc thú y; sản xuất, phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất nông - công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y. Đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm. Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản. Sản xuất, chế biến, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: Gia súc, gia cầm, thủy sản. Nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: Khách sạn, nhà hàng, siêu thị, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đồ dùng cá nhân và gia đình. Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 812 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 846 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này:

(a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Kể từ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu năm sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nếu Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“VAS 10”), lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng thêm 5.589 triệu VND (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 1.397 triệu VND).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2012, Công ty áp dụng phi hồi tố VAS 10. Theo đó, tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính theo giá bán trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí bán hàng.

Hàng tồn kho - nguyên vật liệu

Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ, và cũng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Bất động sản xây dựng để bán

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên định mức hoạt động được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| • nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| • máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| • thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính nêu trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh riêng. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(n) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con của Công ty và các bên khác theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	1.560.513.794	3.409.591.059
Tiền gửi ngân hàng	117.968.465.013	56.390.658.624
Tiền đang chuyển	9.618.831.000	-
Các khoản tương đương tiền	410.000.000.000	423.354.099.300
	<hr/> 539.147.809.807	<hr/> 483.154.348.983

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi	293.857.338.328	192.894.218.357
Phải thu từ hoạt động bất động sản	353.617.864.400	92.652.000.000
	647.475.202.728	285.546.218.357

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	273.023.516.912	177.256.356.809
	273.023.516.912	177.256.356.809

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay cấp cho các nhân viên của Công ty (*)	2.672.000.000	-
Khoản vay cấp cho một cá nhân (*)	-	11.369.802.216
Phải thu tiền bảo hiểm hàng hóa	-	11.145.738.610
Phải thu khác	1.122.519.456	2.018.694.203
	3.794.519.456	24.534.235.029

(*) Đây là các khoản vay không lãi, không được đảm bảo và có thời hạn hoàn trả một năm từ ngày giải ngân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	20.074.729.500	-
Nguyên vật liệu	358.635.610.546	373.873.646.778
Công cụ và dụng cụ	2.370.542.322	1.023.446.439
Sản phẩm dở dang	519.685.184.781	843.883.076.418
Thành phẩm	279.820.447.062	37.826.709.140
Hàng hóa	24.749.020.620	19.808.425.010
	<hr/>	<hr/>
	1.205.335.534.831	1.276.415.303.785

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào sản phẩm dở dang là 29.847 triệu VND (năm 2011: 73.657 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011, một số hàng tồn kho của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	448.135.758.339	270.134.945.235	46.635.216.793	12.341.238.284	777.247.158.651
Tăng trong năm	274.957.909	38.562.334.573	16.796.917.843	1.842.863.700	57.477.074.025
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	73.011.439.606	6.629.218.993	-	-	79.640.658.599
Thanh lý	(5.408.549.252)	(4.569.063.235)	(1.535.817.015)	-	(11.513.429.502)
Góp vốn vào công ty con	(246.577.298.595)	(85.344.869.264)	(9.114.039.610)	(1.698.403.744)	(342.734.611.213)
Giảm do nhận hỗ trợ từ Nhà nước (*)	(21.993.611.000)	-	-	-	(21.993.611.000)
Biến động khác	(2.282.697.420)	-	-	-	(2.282.697.420)
Số dư cuối năm	245.159.999.587	225.412.566.302	52.782.278.011	12.485.698.240	535.840.542.140
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	76.084.803.380	96.303.203.347	20.973.507.227	8.909.233.106	202.270.747.060
Khấu hao trong năm	33.754.525.632	27.978.946.739	7.372.880.147	2.636.024.449	71.742.376.967
Thanh lý	(3.349.863.480)	(4.272.741.545)	(1.498.031.563)	-	(9.120.636.588)
Góp vốn vào công ty con	(45.096.970.598)	(23.688.470.882)	(3.541.500.987)	(1.098.824.798) *	(73.425.767.265)
Biến động khác	(814.201.989)	-	-	-	(814.201.989)
Số dư cuối năm	60.578.292.945	96.320.937.659	23.306.854.824	10.446.432.757	190.652.518.185
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	372.050.954.959	173.831.741.888	25.661.709.566	3.432.005.178	574.976.411.591
Số dư cuối năm	184.581.706.642	129.091.628.643	29.475.423.187	2.039.265.483	345.188.023.955

(*) Theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 9 tháng 8 năm 2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Bắc Ninh, Công ty được nhận khoản tài trợ 21.993.611.000 VND vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho dự án mô hình sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao. Công trình này đã được hoàn thành và ghi nhận là tài sản cố định hữu hình của Công ty trong năm 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản với nguyên giá 56.757 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 57.523 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 267.079 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 38.026 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu năm	54.255.356.825	241.632.992.449
Tăng trong năm	103.466.641.660	405.664.679.624
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(79.640.658.599)	(241.798.334.908)
Chuyển sang hàng tồn kho - sản phẩm dở dang	-	(351.243.980.340)
Số dư cuối năm	78.081.339.886	54.255.356.825

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà máy chế biến thực phẩm	15.469.912.054	15.469.912.054
Nhà máy nguyên liệu Khắc Niệm	9.165.400.121	7.499.520.939
Dự án nhà làm việc cao tầng	26.497.013.213	12.559.070.360
Bệnh viện Dabaco	12.556.871.219	11.556.871.219
Các dự án khác	14.392.143.279	7.169.982.253
Tổng cộng	78.081.339.886	54.255.356.825

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 1.700 triệu VND (năm 2011: 49.135 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn tại Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chân nuôi Gia công
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chân nuôi lợn Dabaco
- Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco
- Công ty TNHH Lợn giống Dabaco
- Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ
- Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm
- Công ty TNHH Nutreco
- Công ty TNHH Dịch vụ TM Bắc Ninh
- Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco
- Công ty TNHH Bất động sản Dabaco (*)
- Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi (*)
- Công ty TNHH Xây dựng đường Kinh Dương Vương 3 và đường Trường Chinh (*)
- Công ty TNHH Xây dựng hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh (*)
- Công ty TNHH Xây dựng đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL.295B Từ Sơn (*)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco (*)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

- Công ty Cổ phần Thủy Sản CSC Việt Nam

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ % và quyền biểu quyết	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
	100%	41.101.367.725	41.101.367.725
	100%	25.678.384.595	3.000.000.000
	100%	20.000.000.000	20.000.000.000
	100%	-	-
	100%	41.014.971.424	6.000.000.000
	100%	30.551.441.897	10.000.000.000
	100%	80.297.476.148	15.000.000.000
	100%	70.559.337.903	12.000.000.000
	100%	50.190.568.966	-
	100%	17.016.663.015	-
	100%	20.000.000.000	20.000.000.000
	100%	20.000.000.000	20.000.000.000
	100%	-	-
	100%	-	-
	100%	-	-
	100%	-	-
	100%	ε	-
	100%	-	-
		416.410.211.673	147.101.367.725
	17,5%	2.528.623.617	2.528.623.617
		(38.574.614.466)	-
		380.364.220.824	149.629.991.342

(*) Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào các công ty con này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	2012 VND
Số dư đầu năm	-
Tăng dự phòng trong năm	38.574.614.466
Số dư cuối năm	<u>38.574.614.466</u>

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	993.135.347.051	778.267.924.621
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	83.786.162.990	131.458.138.981
Trái phiếu phát hành đến hạn (Thuyết minh 16)	187.279.400.000	-
	<u>1.264.200.910.041</u>	<u>909.726.063.602</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Khoản vay	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	12%	233.594.669.820	199.358.688.133
	USD	6%	176.323.628.122	231.521.550.723
	EUR	6,5%	-	2.664.624.868
Khoản vay ngân hàng 2	VND	12%	159.588.239.500	138.295.114.158
	USD	7,2%	137.295.756.308	34.851.461.158
Khoản vay ngân hàng 3	VND	12%	54.588.500.000	65.897.702.649
	USD	6,5%	10.743.554.590	1.299.667.200
Khoản vay ngân hàng 4	USD	7%	-	16.889.244.000
Khoản vay ngân hàng 5	USD	6%-7%	44.384.465.915	10.000.000.000
Khoản vay ngân hàng 6	USD	6,5%	84.609.610.607	5.844.640.472
Khoản vay ngân hàng 7	VND	12%	52.759.897.000	6.400.000.000
	USD	5%	38.847.025.189	64.595.231.260
Vay từ các cá nhân	VND	13,2%	400.000.000	650.000.000
			<u>993.135.347.051</u>	<u>778.267.924.621</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 121.250 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 17.415 triệu VND) và một số hàng tồn kho của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Phải trả người bán

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2012 - VND	31/12/2011 VND
Phải trả các công ty liên quan	26.004.854.012	4.483.894.216

Phải trả đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

12. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.901.260.855	8.866.419.344
Thuế thu nhập cá nhân	6.858.132	-
Tiền sử dụng đất	30.649.088.189	21.930.611.502
Tiền thuê đất	-	1.312.617.772
	<u>47.557.207.176</u>	<u>32.109.648.618</u>

13. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay phải trả	17.974.123.505	24.991.022.346
Chi phí xây dựng bất động sản	18.623.670.550	3.615.357.351
Chiết khấu phải trả các đại lý	53.059.563.380	36.122.969.380
	<u>89.657.357.435</u>	<u>64.729.349.077</u>

14. Các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	1.975.356.380	1.589.727.020
Nhận hỗ trợ bình ổn giá từ UBND tỉnh Bắc Ninh	15.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	1.254.167.756	1.295.440.717
	<u>18.229.524.136</u>	<u>2.885.167.737</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu năm	17.508.948.100	8.732.141.394
Trích lập từ lợi nhuận trong năm	19.167.659.294	16.846.047.706
Sử dụng trong năm	(5.949.969.773)	(8.069.241.000)
Số dư cuối năm	30.726.637.621	17.508.948.100

16. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn (i)	227.554.290.060	385.634.522.691
Trái phiếu dài hạn đã phát hành (ii)	187.279.400.000	254.466.600.000
	414.833.690.060	640.101.122.691
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 10)		
▪ Vay dài hạn	(83.786.162.990)	(131.458.138.981)
▪ Trái phiếu dài hạn	(187.279.400.000)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	143.768.127.070	508.642.983.710

(i) *Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:*

Vay từ	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	20%	2013	9.020.532.000	17.320.532.000
	USD	8,2%	2011	-	1.057.895.777
Khoản vay ngân hàng 2	VND	19,8%	2013-2015	17.623.365.770	102.538.422.562
	USD	6,23%	2013	197.462.428	987.457.144
	EUR	7,80%	2013	57.148.520	280.288.266
Khoản vay ngân hàng 3	VND	19,5%	2015	135.199.807.608	187.999.807.608
Khoản vay ngân hàng 4	VND	16%	2017	55.856.626.734	63.856.626.734
Khoản vay ngân hàng 5	VND	19%	2016	8.839.000.000	9.926.000.000
	USD	9,5%	2016	760.347.000	842.492.600
Khoản vay từ bên thứ ba	VND	0%	2013	-	825.000.000
				227.554.290.060	385.634.522.691

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Công ty có giá trị ghi sổ là 145.829 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 20.610 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) *Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn đã phát hành và kết quả chuyển đổi như sau:*

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trái phiếu chuyển đổi	VND	10%	2013	187.279.400.000	254.466.600.000

Ngày 14 tháng 2 năm 2011 (“ngày phát hành”), Công ty phát hành 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi với quyền chuyển đổi thuộc về trái chủ. Trái phiếu này có thời hạn hai năm kể từ ngày phát hành. Lãi trái phiếu được thanh toán hàng năm vào ngày tròn năm của trái phiếu kể từ ngày phát hành.

Trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“cổ phiếu DBC”) theo hai đợt, 50% vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành và 50% vào ngày tròn năm thứ hai kể từ ngày phát hành. Trái chủ có thể không thực hiện hoặc thực hiện chuyển đổi một phần. Phần trái phiếu chưa thực hiện chuyển đổi vào ngày tròn năm thứ nhất của ngày phát hành sẽ tiếp tục được quyền chuyển đổi vào ngày tròn năm thứ hai. Phần trái phiếu không thực hiện chuyển đổi tính đến ngày tròn năm thứ hai sẽ được Công ty thanh toán bằng tiền.

Giá chuyển đổi được tính ở mức 70% giá thị trường tại thời điểm phát hành (là giá bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua trái phiếu) và được điều chỉnh theo quy định của điều khoản chống pha loãng và điều khoản cam kết lợi nhuận sau thuế trên một cổ phiếu bình quân.

Sau đợt chuyển đổi thứ nhất vào ngày 14 tháng 2 năm 2012, 671.872 trái phiếu đã chuyển đổi thành 4.798.860 cổ phiếu DBC với giá chuyển đổi là 14.000 VND/1 cổ phiếu.

Ngày 14 tháng 2 năm 2013, 1.872.794 trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã được chuyển đổi thành 14.331.963 cổ phiếu DBC với giá chuyển đổi là 13.067 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng lên thành 627.419.230.000 VND. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh cho việc tăng vốn điều lệ này vào ngày 20 tháng 2 năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	254.466.600.000	228.191.181.700	13.227.476.717	78.114.139.030	12.997.624.401	182.190.588.655	769.187.610.503
Phát hành cổ phiếu	181.644.400.000	127.151.080.000	-	-	-	-	308.795.480.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	209.809.971.622	209.809.971.622
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	104.201.455.912	16.846.047.706	(121.047.503.618)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.846.047.706)	(16.846.047.706)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(38.169.990.000)	(38.169.990.000)
Kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm	-	-	(6.240.986.735)	-	-	-	(6.240.986.735)
Biến động khác	-	(113.000.000)	-	-	-	(6.127.047.331)	(6.240.047.331)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	436.111.000.000	355.229.261.700	6.986.489.982	182.315.594.942	29.843.672.107	209.809.971.622	1.220.295.990.353
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 18)	47.988.600.000	19.198.600.000	-	-	-	-	67.187.200.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	95.088.396.496	19.167.659.293	(114.256.055.789)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.167.659.294)	(19.167.659.294)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	254.939.489.033	254.939.489.033
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(145.768.364.500)	(145.768.364.500)
Kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm	-	-	(6.986.489.982)	-	-	-	(6.986.489.982)
Biến động khác	-	(30.000.000)	-	-	-	-	(30.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	484.099.600.000	374.397.861.700	-	277.403.991.438	49.011.331.400	185.557.381.072	1.370.470.165.610

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	48.409.960	484.099.600.000	43.611.100	436.111.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.409.960	484.099.600.000	43.611.100	436.111.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.409.960	484.099.600.000	43.611.100	436.111.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	43.611.100	436.111.000.000	25.446.660	254.466.600.000
Vốn cổ phần phát hành trong năm	-	-	18.164.440	181.644.400.000
Vốn cổ phần phát hành trong năm từ chuyển đổi trái phiếu (*)	4.798.860	47.988.600.000	-	-
Số dư cuối năm	48.409.960	484.099.600.000	43.611.100	436.111.000.000

(*) Tại ngày 24 tháng 2 năm 2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu chuyển đổi của Công ty với mệnh giá 100.000 VND/1 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu DBC với giá chuyển đổi là 14.000 VND. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 436.111 triệu VND lên 484.099 triệu VND. Số cổ phiếu này được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 10 tháng 4 năm 2012. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của trái phiếu và mệnh giá của phần vốn cổ phần bổ sung được ghi tăng vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Cổ tức

Ngày 14 tháng 4 năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức năm 2011 cho các cổ đông với số tiền 87.222 triệu VND và tạm chia cổ tức đợt một năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu.

20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích cho tới khi số dư quỹ bằng 25% vốn cổ phần.

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thức ăn chăn nuôi	3.402.050.645.412	3.155.423.106.385
▪ Nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	302.599.387.775	121.069.568.907
▪ Bán xăng dầu	20.903.211.123	13.756.362.699
▪ Kinh doanh bất động sản	990.918.314.774	46.046.438.322
	4.716.471.559.084	3.336.295.476.313
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	127.662.003.580	116.490.090.500
▪ Giảm giá hàng bán	120.000.000.000	-
▪ Hàng bán bị trả lại	488.805.590.286	4.974.492.287
	736.467.593.866	121.464.582.787
Doanh thu thuần	3.980.003.965.218	3.214.830.893.526

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Thức ăn chăn nuôi	2.919.078.885.434	2.713.815.984.336
Nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	293.802.900.084	112.973.504.071
Bán xăng dầu	20.317.794.705	13.297.754.386
Kinh doanh bất động sản	267.293.688.863	43.616.838.320
	<hr/>	<hr/>
	3.500.493.269.086	2.883.704.081.113
	<hr/>	<hr/>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	37.094.412.010	56.269.842.708
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.282.495.098	6.468.425.823
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.924.028.499	-
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	10.823.430.799	-
Lãi từ thanh lý một công ty con	-	4.320.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.880.340.658	349.316.000
	<hr/>	<hr/>
	66.004.707.064	67.407.584.531
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	90.541.403.275	65.428.437.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.389.079.893	11.687.535.638
Chi phí phát hành trái phiếu	-	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	38.574.614.466	-
	<hr/>	<hr/>
	132.505.097.634	83.115.972.723
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	52.027.203.257	16.037.530.074
Dự phòng thiếu trong những năm trước	363.409.537	-
	52.390.612.794	16.037.530.074

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	307.330.101.827	225.847.501.696
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	64.886.526.939	22.584.750.170
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các hoạt động khác	455.783.898	-
Thu nhập không bị tính thuế	(2.164.686.160)	-
Giảm thuế (*)	(11.150.421.420)	(6.547.220.096)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	363.409.537	-
	52.390.612.794	16.037.530.074

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc (năm 2011: 10%). Mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế được áp dụng cho hoạt động kinh doanh bắt động sản và các hoạt động khác.

(*) Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc Hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 do sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông sản.

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty gặp phải khi sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Chính sách quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là phát sinh lỗ cho Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt)	537.587	479.745
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	636.270	310.080
	<hr/>	<hr/>
	1.173.857	789.825

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc áp dụng chính sách bán hàng trả tiền ngay. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho các khách hàng là đại lý khi có đảm bảo của ngân hàng hoặc tài sản đảm bảo.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi là như sau:

	2012 VND
Số dư đầu năm	-
Tăng dự phòng trong năm	15.000.000.000
	15.000.000.000
Số dư cuối năm	15.000.000.000

Dựa trên tỷ lệ thực tế thu nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài các khoản dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập, không cần lập thêm dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Chưa quá hạn	636.270	310.080
	636.270	310.080

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Sau 5 năm Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Vay ngắn hạn (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	1.076.922	1.112.870	1.112.870	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	375.832	375.832	375.832	-	-
Vay dài hạn	143.768	211.613	-	211.613	-
Trái phiếu chuyển đổi	187.279	18.728	18.728	-	-
	1.783.801	1.719.043	1.507.430	211.613	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay ngắn hạn	909.726	934.717	934.717	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	263.035	263.035	263.035	-	-
Vay dài hạn	254.176	301.428	-	295.088	6.340
Trái phiếu chuyển đổi	254.467	25.447	25.447	-	-
	1.681.404	1.524.627	1.223.199	295.088	6.340

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá

Công ty có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này, chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.635	72.790
Phải trả người bán	(6.274.031)	(2.902.113)
Vay ngắn hạn	(23.639.789)	(16.326.294)
Vay dài hạn	(45.916)	(45.916)
	(29.890.101)	(19.201.533)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
USD/VND	20.821	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(9.957)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	
USD (mạnh thêm 6% so với VND)	(19.197)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày lập báo cáo, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không thực hiện chính sách nào để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày lập báo cáo, lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Tài sản tài chính	527.968	479.745
▪ Nợ phải trả tài chính	(1.180.415)	(1.032.735)
	<u>(652.447)</u>	<u>(552.990)</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Nợ phải trả tài chính	(227.551)	(385.635)

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thay đổi tăng 1% một năm, lợi nhuận thuần của Công ty sẽ giảm 1.820 triệu VND (năm 2011: 3.085 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác sẽ không thay đổi.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ triệu VND	Giá trị hợp lý triệu VND	Giá trị ghi sổ triệu VND	Giá trị hợp lý triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	539.148	539.148	483.154	483.154
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	636.270	636.270	310.080	310.080
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản vay ngắn hạn (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	(1.076.922)	(1.076.922)	(909.726)	(909.726)
- Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	(375.832)	(375.832)	(263.035)	(263.035)
- Các khoản vay dài hạn	(143.768)	(148.370)	(254.176)	(263.508)
- Trái phiếu chuyển đổi – thành phần nợ phải trả	(187.279)	(177.593)	(254.467)	(229.958)
- Trái phiếu chuyển đổi – thành phần vốn chủ sở hữu	-	(9.687)	-	(24.509)
	<u>(608.383)</u>	<u>(612.986)</u>	<u>(888.170)</u>	<u>(897.502)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) **Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Đối với các khoản nợ phải trả của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không được lựa chọn chuyển đổi.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi Gia công		
Bán hàng hóa	195.589.017.945	152.979.594.822
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	22.678.384.595	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bắc Ninh		
Bán hàng hóa	15.724.546.886	20.745.344.797
Mua hàng hóa	23.333.446.157	36.149.554.402
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	17.016.663.014	-
Công ty TNHH Lợn giống Dabaco		
Bán hàng hóa	37.532.763.445	34.929.089.215
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	35.014.971.425	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi lợn Dabaco		
Bán hàng hóa	266.930.622.560	192.712.784.840
Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang		
Mua hàng hóa	82.477.473.272	73.131.670.773
Công ty TNHH Nutreco		
Bán hàng hóa	213.945.042.990	702.509.800
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	50.190.568.966	-
Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco		
Bán hàng hóa	17.658.698.595	18.547.966.450
Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vê		
Bán hàng hóa	26.754.479.034	21.820.762.343
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	20.551.441.897	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	2012 VND	2011 VND
Công ty Lợn giống Hạt nhân		
Bán hàng hóa	77.036.406.125	41.413.325.390
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	65.297.476.148	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm		
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	58.559.337.903	-
Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc		
Mua hàng hóa	227.602.017.254	62.434.139.176
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.275.832.000	2.819.496.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	948.000.000	843.500.000

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2012 VND	2011 VND
Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần tăng trong năm từ chuyển đổi trái phiếu	67.187.200.000	-
Góp vốn vào các công ty con bằng tài sản cố định hữu hình	269.308.843.948	-
Khoản nhận tài trợ phi tiền tệ từ UBND Tỉnh Bắc Ninh cho việc xây dựng tài sản cố định hữu hình đã hoàn thành năm trước (thông qua đối trừ với tiền sử dụng đất công ty phải nộp)	21.993.611.000	-
Chi phí lãi vay vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	1.700.000.000	49.134.916.014

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	3.413.756.748.906	2.774.211.532.854
Chi phí nhân công	85.397.373.020	98.563.811.578
Chi phí khấu hao	34.632.596.153	24.070.748.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.431.615.139	16.779.859.379
Chi phí khác	42.439.162.397	63.254.133.209



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2011 (phân loại lại) VND	31/12/2011 (theo báo cáo trước đây) VND
Chi phí phải trả	64.729.349.077	28.606.379.697
Các khoản phải trả khác	2.885.167.737	39.008.137.117

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

